TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2026/QĐST-HNGĐ	Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC - KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn TP, xã CL, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Thôn TP, xã CL, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã CTB, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã CL, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số: 01/2010, ngày 05/7/2010.

Trong quá trình chung sống: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có với nhau 02 người con, nhưng đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không còn thương yêu nhau, quan điểm sống mỗi người mỗi khác, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã hơn 05 năm. Nay vợ chồng có lối đi riêng, hạnh phúc riêng. Do đó, ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L yêu cầu thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Trần Thái D, sinh ngày: 22/01/2010; Nguyễn Trần Thái D1, sinh ngày 22/11/2011.

Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L thỏa thuận: Bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Thỏa thuận giữa ông D và bà L là phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Trần Thái D và Nguyễn Trần Thái D1 và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L thỏa thuận: Ông Nguyễn Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, tổng cộng hai con là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con: từ tháng 02/2026 cho đến khi các cháu Nguyễn Trần Thái D, Nguyễn Trần Thái D1 lần lượt đủ 18 tuổi.

Thỏa thuận giữa ông D và bà L là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L không có nợ.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L mỗi người phải nộp 150.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm: 1975
Địa chỉ: Thôn TP, xã CL, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Thôn TP, xã CL, tỉnh Khánh Hòa.

- Về con chung: Bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là các cháu: Nguyễn Trần Thái D, sinh ngày: 22/01/2010; Nguyễn Trần Thái D1, sinh ngày 22/11/2011.

Không ai có quyền ngăn cản quyền thăm nom con chung, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, tổng cộng hai con là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con: từ tháng 02/2026 cho đến khi các cháu Nguyễn Trần Thái D, Nguyễn Trần Thái D1 lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về các vấn đề khác*: Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Đức D chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Hàng tháng, ông Nguyễn Đức D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L mỗi người phải nộp 150.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông D, bà L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005135, ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực - Khánh Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã CL;
- Lưu: Hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thế Vỹ